

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng

Căn cứ Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng (Hiệp định GMS) ký ngày 26 tháng 11 năm 1999 tại Viêng Chăn, được sửa đổi ngày 30 tháng 4 năm 2004 tại Phnôm Pênh, Campuchia và các Phụ lục, Nghị định thư của Hiệp định GMS;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng

1. Bổ sung, sửa đổi khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS hoạt động vận tải qua biên giới phải được thực hiện trong khoảng thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhập cảnh vào Việt Nam. Nếu phương tiện không thể rời khỏi Việt Nam đúng thời gian quy định, doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng phương tiện đó phải làm đơn đề nghị gia hạn giấy phép. Giấy phép sẽ được gia hạn nếu nguyên nhân quá thời hạn là bất khả kháng hoặc các nguyên nhân hợp lý khác.”

2. Bổ sung, sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 6 như sau:

“d) Trình độ chuyên môn: người điều hành vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã phải có trình độ chuyên môn về vận tải từ trung cấp trở lên hoặc có trình

độ từ cao đẳng trở lên đối với các chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật khác; có 03 năm trở lên công tác liên tục tại đơn vị vận tải hoặc có 03 năm trở lên làm công tác quản lý vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô).”

3. Bổ sung, sửa đổi khoản 2, 3 Điều 6 như sau:

“2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS của doanh nghiệp, hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô);

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã (chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô);

d) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong 03 năm liên tiếp gần nhất được cơ quan tài chính địa phương hoặc đơn vị kiểm toán xác nhận.

3. Cơ quan cấp giấy phép và quy trình cấp giấy phép

a) Cơ quan cấp giấy phép: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

b) Quy trình cấp giấy phép:

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ cho Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp, nếu chưa đầy đủ theo quy định, Tổng cục Đường bộ Việt Nam thông báo ngay trong ngày làm việc cho doanh nghiệp, hợp tác xã để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức khác, nếu không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phải có văn bản gửi doanh nghiệp, hợp tác xã để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Tổng cục Đường bộ Việt Nam phải thực hiện việc cấp giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp lệ phí cấp giấy phép theo quy định của Bộ Tài chính.”

4. Bổ sung, sửa đổi Điều 7 như sau:

“1. Điều kiện đối với phương tiện được cấp giấy phép

Các phương tiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các doanh nghiệp, hợp

tác xã đã được cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS thì được cấp giấy phép vận tải đường bộ GMS để vận tải hành khách và hàng hoá.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe ô tô không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

d) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

đ) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với bên thứ ba.

3. Cơ quan cấp giấy phép và quy trình cấp giấy phép

a) Cơ quan cấp giấy phép

Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có cửa khẩu biên giới thực hiện Hiệp định GMS cấp giấy phép cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã đóng trên địa bàn địa phương.

Doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có cửa khẩu biên giới thực hiện Hiệp định GMS có thể đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải có cửa khẩu biên giới thực hiện Hiệp định GMS.

b) Quy trình cấp giấy phép

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan cấp giấy phép. Cơ quan cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp, nếu chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thông báo ngay trong ngày làm việc cho doanh nghiệp, hợp tác xã để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản gửi doanh nghiệp, hợp tác xã để yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép phải thực hiện việc cấp giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Thu hồi và cấp lại giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện vận tải

a) Cơ quan cấp giấy phép vận tải đường bộ GMS được thu hồi giấy phép đã cấp nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện đúng các nội dung ghi trong giấy phép hoặc vi phạm các quy định về quản lý hoạt động vận tải;

b) Khi giấy phép vận tải đường bộ GMS hết hạn hoặc bị hư hỏng, bị mất, doanh nghiệp, hợp tác xã lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép vận tải đường bộ GMS theo quy định tại khoản 2 của Điều này (trường hợp bị mất giấy phép phải nêu rõ lý do). Giấy phép hết hạn, hư hỏng nộp về cơ quan cấp phép cùng với hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép vận tải đường bộ GMS.

5. Giấy phép vận tải đường bộ GMS cấp cho phương tiện có thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp.

6. Mẫu giấy phép vận tải đường bộ GMS và sổ theo dõi hoạt động của phương tiện

a) Mẫu giấy phép vận tải đường bộ GMS quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;

b) Mẫu sổ theo dõi hoạt động của phương tiện quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

7. Gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS và thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS tại Việt Nam

a) Đối tượng được gia hạn: phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng;

b) Thẩm quyền gia hạn: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi phương tiện gặp sự cố;

c) Hồ sơ bao gồm: Giấy phép vận tải đường bộ GMS (bản chính), sổ theo dõi hoạt động của phương tiện (bản chính); giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); đơn đề nghị gia hạn theo mẫu tại Phụ lục 5 của Thông tư này;

d) Quy định về xử lý hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện gặp sự cố.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong sổ theo dõi hoạt động của phương tiện; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam

a) Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động vận tải thực hiện Hiệp định GMS;

b) Tổ chức quản lý, hướng dẫn và kiểm tra về hoạt động vận tải đường bộ thực hiện Hiệp định GMS;

c) In và phát hành ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam, danh sách hành khách, giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo mẫu ban hành tại Thông tư này.

2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện Thông tư này tới các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn.

3. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có cửa khẩu biên giới thực hiện Hiệp định GMS, căn cứ định ngạch phương tiện trên phần mềm quản lý vận tải thực hiện Hiệp định GMS, cấp Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã đóng trên địa bàn địa phương và cho phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã của địa phương khác đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.”

6. Thay thế các Phụ lục 5, 7, 8, 9 của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bằng các Phụ lục 1, 2, 3, 4 tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Bổ sung Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2015.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết. /-/-

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBATGTQG;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, HTQT.



Đình La Thăng

Phụ lục 1. Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 83 /2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX
Đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Tên đơn vị vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số: Ngày cấp: Cơ quan cấp:
5. Đề nghị(cấp mới/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô hoặc vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

*Chú ý: nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.

Phụ lục 2. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ GMS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89 /2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX
Đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ GMS CHO PHƯƠNG TIỆN

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ :
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:
5. Đơn vị đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										
...										

Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam).

Bến đến: Bến xe.....(thuộc tỉnh:.....).

Cự ly vận chuyển:km.

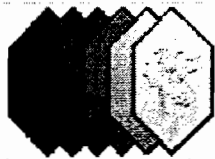
Hành trình tuyến đường:

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ngày (nếu có).

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3. Mẫu Giấy phép vận tải đường bộ GMS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



National Transport Facilitation Committee Viet Nam

GMS Road Transport Permit¹

This document is issued in accordance with Protocol 3 and Article 23 of the Agreement between and among the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Republic of China, the Lao People's Democratic Republic, the Union of Myanmar, the Kingdom of Thailand, and the Socialist Republic of Viet Nam for Facilitation of Cross - Border Transport of Good and People.

Permit No.

Country Code	Permit number	Bar code
--------------	---------------	----------

Type of Permit/Transport Operation²:

- Scheduled passenger
- Non-Scheduled passenger
- Cargo

1. Issuing Authority:

- 1.1 Name:.....
- 1.2 Address :.....
- 1.3 Contact Data³:.....

2. Beneficiary of the Permit⁴:

- 2.1 Name:.....
- 2.2 Address :.....
- 2.3 Contact Data :.....
- 2.4 Road Transport Operator's National License Number :.....⁵

3. Particulars for Scheduled Passenger Transport Operations Only:

- 3.1 Itinerary:.....
- 3.2 Frequency of operations for the beneficiary:.....
- 3.3 Maximum Capacity (number of seats/persons):.....
- 3.4 Other Restrictions:.....⁶

4. Period of Validity : fromuntil.....⁷

5. Allocated Vehicle Registration Number⁸:

	Prime mover/Truck/Bus /Semi- trailer
1	
2	
3	
4	

	Prime mover/Truck/Bus/ Semi- trailer
5	
6	
7	
8	

Place and date of Issuance:

Authentication (Seal/Stamp, Signature):


1. Warning: Counterfeiting is a criminal offence. This permit entitles its holder to perform cross-border road transport operations in the GMS region, subject to compliance with national laws of the Host Country, and the other conditions of the Agreement. The transport operator shall keep the original of this permit on board the vehicle at all times during cross-border transport operations for inspection and control purposes by authorities. This permit shall be valid only for the vehicle of which the registration number is entered on the permit form. Except for scheduled passenger transport operations, the Itineraries are restricted to the exit/entry point, routes, and corridors defined in Protocol 1 to the Agreement.
2. Please tick the type of transport operation.
3. Contact data may include: telephone number, fax number, email address, etc.
4. This permit is nominative and non-negotiable and non-transferable.
5. The validity of this permit shall be subject to the validity of the holder's transport operator license.
6. Other restrictions on this type of transport operations flowing from the arrangements on terms and conditions by the Country whose territory is traversed as per Article 5(e) of Protocol 3 to the Agreement.
7. Provided the permit was used before the expiry of its validity date by entering the territory of another GMS country than that of its holder transport operator, it shall remain valid until the completion of the transport operation by the return of the vehicle to its Home Country. A cross - border transport operation shall be completed by the exit of the vehicle from the Host Country territory within a period of 30 days from the date of entry in the Host Country territory . If the transport operator is unable to timely leave the Host Country territory, he/she shall inform the Host Country Competent Authority and may be required to file a request for extension
8. Type of vehicle should be entered. Only the number(s) entered in the last box prevail(s). If the form has become full within its validity period, the issuing authority shall upon a simple request from its holder forthwith replace the original form.

Phụ lục 4. Mẫu Sổ theo dõi hoạt động của phương tiện

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39 /2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam



Greater Mekong Subregion

**SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN
THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH TẠO THUẬN LỢI VẬN TẢI
NGƯỜI VÀ HÀNG HOÁ QUA LẠI BIÊN GIỚI GIỮA CÁC
NƯỚC TIỂU VÙNG SÔNG MÊ KÔNG MỞ RỘNG
(HIỆP ĐỊNH GMS)**

**TRANSPORT BOOK FOR THE VEHICLE TO
IMPLEMENT
THE GMS CROSS - BORDER TRANSPORT AGREEMENT**

Bìa trước

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện vận tải đường bộ này đi lại dễ dàng
và hỗ trợ hoặc bảo vệ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam
requests all those whom it may concern to
allow the vehicle to pass freely and afford the
vehicle any such assistance and protection as
may be necessary

Mặt sau bìa trước

Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện :.....
(Registration number)

2. Thông số kỹ thuật:
(Technical data)

- Năm sản xuất:.....
(Manufactory year)

- Nhãn hiệu (Mark) :.....

- Loại xe (Model) :.....

Xe tải (Truck) Xe khách (Bus) Xe khác (Other)

- Màu sơn :.....
(Colour)

- Số máy :.....
(Engine No)

- Số khung :.....
(Chassic No)

Trang 1

Chi tiết về nhà vận tải
Status of Transport operator

Tên đơn vị (company/agency):
.....
.....

Địa chỉ (Address):
.....
.....

Tel:.....Fax:.....

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport
operation):
.....
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS (GMS
Permit number) :.....

Ngày hết hạn (Date of expire) :.....

Trang 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

Số này có giá trị một năm
This book is valid for one year
Từ ngày: From date.... month..... year
Đến ngày: To date.... month..... year

Cửa khẩu, vùng hoạt động, nơi đến
Border, Traveling area, Destinatinon

Cửa khẩu (Border gate):.....

Vùng hoạt động (Traveling area):

Nơi đến (Destinatinon):.....

Ngày cấp (Date of issue):.....

**Issuing Authority
(Signature, Stamp)**

Trang 3

**HẢI QUAN
FOR CUSTOMS**

Ngày khởi hành (Date of Departure)	Ngày về (Date of Arrival)

**GIA HẠN
Extension**

Giấy phép này được gia hạn đến ngày tháng ... năm

This trip is extended until to date month year

Ngày... tháng ... năm...
date....month....year....
Cơ quan gia hạn
Extending Authority
Ký tên, đóng dấu
(Signature, seal)

Ghi chú (Notices):.....

Trang 4

**HẢI QUAN
FOR CUSTOMS**

Ngày khởi hành (Date of Departure)	Ngày về (Date of Arrival)

Hướng dẫn (Instuction)

1. Sổ này bao gồm 50 trang cần phải được giữ sạch sẽ.
This book contains 50 pages excluding the covers, which should be kept as clean as possible
2. Khi Sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì có thể xảy ra, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại Bộ Giao thông vận tải Việt Nam.
When this book get lost or illegible for any reasons as it may occurred the holder should request the new one at issuing office.
3. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This book shall be produced to the competent authorities upon request.
4. Nghiêm cấm việc tẩy xóa, thay đổi các điều khoản đã ghi trong Sổ này.
It is prohibited to erase, add, or falsify any terms specified in this book.
5. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This book shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed before one month before the expired date.

Ghi chú (note):

Khổ giấy rộng: 11cm, dài 15cm.
Page size 11 cm x 15cm.

Bìa màu xanh lá cây (Green) dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.
Green cover used for vehicles.

Phụ lục 5. Mẫu đơn đề nghị gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33 /2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS.

Company, individual applying for extension of GMS Transport Permit.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ GMS
APPLICATION
FOR EXTENDING OF GMS ROAD TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....
2. Địa chỉ: *(Address)*
3. Số điện thoại: *(Tel No.)*..... Số Fax: *(Fax No.)*:
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of GMS Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:
 - Giấy phép vận tải đường bộ GMS số: Ngày cấp ... Nơi cấp: Có giá trị đến:
 - GMS Road Transport Permit No.:*..... *(Date of issue)*.....*(Issuing Authority)*...*Date of expiry*.....
 - Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày tháng năm
 - Date of entry into Viet Nam:*date ... month year
 - Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):
Proposed extended duration (choose one of the two following options):
 - + Gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS:ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
Extension for GMS Road Transport Permit:days, from date..... month yearto datemonth ... year
 - + Gia hạn chuyến đi:.....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm
 - Extension for Journey :*days, from date ... month ... year ... to datemonth ... year ...
5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*:
6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và các văn bản kèm

theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending GMS Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the GMS provisions).*

....., ngày *(date)*.....tháng*(month)*.....năm *(year)*....

Đại diện đơn vị/ Cá nhân *(Representative of the Company/Individual)*

Ký tên/*Signature*

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).

www.LuatVietnam.vn